

ĐÊM TRỪ TỊCH SANH TỬ SỰ ĐẠI

CUỐI NĂM CANH THÂN (1980)

Hỏi: Sanh tử sự đại. Vô thường tấn tốc.

Và: Sanh như đắp chăn đông. Tử như cởi áo hạ.

Là Phật tử, xuất gia cũng như tại gia, chúng ta phải sống như thế nào đối với hai quan niệm trên?

Đáp: Thông thường có hai hạng người tu, hạng người chưa đạt đạo muốn tiến tu thì lúc nào cũng phải khắc trên trán bốn chữ “Sanh tử sự đại”. Đó là chủ đích ngài Thích-ca lúc xuất gia. Khi đi tu là cốt giải quyết vấn đề sanh tử. Bao nhiêu người từ trước đến giờ đành bó tay đối với vấn đề sanh tử. Vì thế đức Phật quyết định giải quyết vấn đề sanh tử, chớ không chấp nhận cách bó tay đó. Ngài không thể đầu hàng sanh tử mà phải vượt ra khỏi sanh tử, cho nên Ngài mới xuất gia cầu đạo. Khi đạt đạo rồi, đó là Ngài thoát ly sanh tử. Thế nên tất cả người tu sau này khi phát tâm xuất gia hay là quyết chí tu hành theo đạo Phật để giải thoát thì không ai coi thường vấn đề sanh tử. Khi chúng ta đi tu là đã quyết định chiến thắng cho được vấn đề sanh tử, phải thoát ly sanh tử. Đó là cái chủ yếu. Như vậy chủ yếu chúng ta đi tu là để thoát ly sanh tử. Cho nên chữ giải thoát nghĩa là không còn bị sanh tử lôi kéo nữa. Mọi người ai đi tu cũng phải quan trọng bốn chữ “Sanh tử sự đại” chớ không thể coi thường. Đó là bước đầu trên con đường tu của chúng ta.

Nhưng khi đạt đạo thấy rõ mình có cái chân thật bất biến. Cái đó không bị sanh tử lôi cuốn và nó cũng không lệ thuộc vào sanh tử. Như vậy sống với cái không sanh tử thì chẳng qua là tùy duyên. Đủ duyên hợp lại đó là sanh. Thiếu duyên ly tán đó là tử. Sanh tử là vấn đề của duyên. Đối với Pháp thân hay Chân tâm, nó không dính dáng gì hết. Vì vậy trên phương diện sống với Pháp thân, sanh tử như trò chơi như ảo mộng, như huyền hóa không gì phải bận tâm. Cho nên có Thiền sư nói rằng “Đối với sanh tử bất quan hoài” nghĩa là đối với sanh tử không bận lòng.

Đối với sanh tử không bận lòng ở giai đoạn nào?

Ở giai đoạn đạt đạo? Thấy cái chân thật bất biến của mình, thì lúc đó đối với sanh tử không còn bận lòng. Còn chưa thấy cái đó sanh tử là việc lớn. Như vậy chúng ta thấy hai câu trên đều đúng, đối với người tu. Người tu mà chưa đạt đạo thì sanh tử là việc lớn. Khi đạt đạo rồi thấy sanh tử là trò chơi. Cho nên ngài Từ Minh mới nói “Sanh như đắp chăn đông - Tử như cởi áo hạ”.

Bởi vì chúng ta đã thấy mình có cái không sanh tử, nhưng vì lợi ích chúng sanh, cần phải có cái sanh để độ họ. Lúc đó sanh cũng như mùa đông được chiếc chăn đắp lên che ấm. Có gì mà sợ. Còn khi mình giáo hóa làm Phật sự mỗi một rồi, bỏ cái thân tứ đại này để trở về Pháp thân thanh tịnh cũng như mùa nực cởi chiếc áo, mát có gì mà lo. Như vậy trường hợp sanh đối với Ngài cũng như được đắp chăn trong mùa đông, tử coi như là cởi chiếc áo trong mùa hạ, không có gì phải bận lòng sợ sệt.

Đó là đối với người đã được Pháp thân vì lợi ích chúng sanh phải sanh. Khi duyên hết thì tử. Sanh tử đối với các Ngài không bận lòng. Nhưng đối với chúng ta vấn đề đầu tiên là sanh tử sự đại. Nếu chúng ta chưa đạt đạo thì “Sanh tử sự đại” có giá trị. Khi chúng ta sống thuần thực trong Pháp thân bất sanh bất diệt, thấy sanh tử như trò chơi, không còn gì phải bận lòng nữa.

Khoảng giữa năm tôi hứng có làm một bài kệ như sau:

Gá thân mộng, dạo cảnh mộng

Mộng tan rồi, cười vỡ mộng

Ghi lời mộng, nhẩn khách mộng

Biết được mộng, tỉnh cơn mộng

Lý do làm kệ:

Lúc đó tôi bắt đầu giảng Trung Quán Luận. Trong khi giảng Trung Quán, chúng tôi hứng thấy rõ cái gì mà chúng tôi muốn nói. Cho nên một đêm tôi ngồi ngoài trời nhớ lại lời của Tổ, hứng tôi làm ra bài kệ trên. Nhiều vị không biết, nói là tôi làm kệ là sắp từ giã. Có người đồn tôi sắp tịch nên mới để kệ lại. Nhưng sự thật không phải vậy. Khi dạy Trung Quán, tôi thấy cái lẽ trong đó quá rõ ràng, cho nên hứng làm ra như vậy. Kệ đó có hai ý:

1- Chúng tôi ước định lại đời sống và ngày cuối cùng của chúng tôi.

2- Mong mỗi những người sau nhận, hiểu như cái gì tôi đã hiểu.

Giờ đây tôi đi thẳng vào bài kệ để cho quý vị nhớ. Đầu tiên chúng tôi nói “Gá thân mộng, dạo cảnh mộng”. Quý vị nghĩ thế nào về câu “Gá thân mộng”.

Thân của chúng ta hiện giờ, như tôi thường giảng cho quý vị nghe, sự sống còn của nó, chúng ta thấy thật là quan trọng. Nhưng nếu dùng con mắt trí tuệ Bát-nhã mà thấy nó chẳng qua là một mớ

nhân duyên hòa hợp lại thành sự sống. Sự sống do duyên mà có. Đủ duyên nó còn, thiếu duyên nó mất. Không có gì là bảo đảm lâu dài hết. Trong tứ đại chúng ta phần trong gọi là nội tứ đại, phần ngoài gọi là ngoại tứ đại. Hai cái hỗ tương nhau. Có cái bên trong mà thiếu cái hỗ tương bên ngoài thì nó không còn. Có cái bên ngoài mà không có cái bên trong cũng không có. Vì vậy cuộc sống chúng ta sống hiện nay bằng cách tạm bợ vay mượn, tứ đại bên ngoài hòa hợp với tứ đại bên trong. Nếu không có sự vay mượn hòa hợp đó thì sự sống này mất. Vì vậy sống bằng cách tạm bợ không phải mộng là gì, không phải huyền hóa là gì? Cho nên thân hiện giờ của chúng ta là thân tạm bợ như thân trong giấc mộng, không có gì lạ. Như vậy đối với sự sống này nếu biết rõ nó là tạm bợ là huyền hóa thì tự nhiên chúng ta còn có cái gì nữa? Chẳng lẽ có thân huyền hóa tạm bợ này thôi sao? Cho nên chúng tôi dùng chữ “gá”. Ai “gá”? Thật ra có cái gì đó nó tựa vào thân tứ đại này. Do nó tựa vào thân tứ đại này thành ra có cuộc sống. Và cái mà tựa vào thân tứ đại này không phải là huyền hóa như tứ đại. Đó là để nói cho quý vị thấy không phải chỉ có thân tứ đại này là cứu kính là duy nhất mà nó còn có cái “chủ nhân ông” tựa vào nó. Nói “chủ nhân ông” đó là khi nào chúng ta tỉnh giấc. Nếu chưa tỉnh giấc thì phải nói danh từ khác tức là “nghiệp thức gá”. Như vậy cái gá đó là ông chủ chứ không phải là cái tầm thường. Chính cái thân tứ đại mới là cái tầm thường để cho ông chủ nương tựa. Khi gá vào thân tứ đại huyền hóa hay mộng huyền này thì cái cảnh mà thân tứ đại tới lui qua lại đó là cảnh thật hay không? Đó cũng là mộng. Thân tứ đại là mộng, cảnh của tứ đại tới lui qua lại cũng là mộng, nên nói rằng “đạo cảnh mộng”. Như Tổ Qui Sơn đã thường nhắc nhở, Ngài nói rằng: Người xuất gia thì phải coi mình như khách qua lại trong tam giới. Như vậy tam giới chẳng qua là một cảnh mộng mà người khách đó thường tới lui qua lại. Vì vậy người khách đó là người quan trọng, còn cái cảnh không phải là quan trọng. Ở đây tôi dùng câu đạo cảnh mộng vì đa số người đời chúng ta mắc kẹt trong cảnh, thấy cảnh này là thật, thấy cái này là của mình, thấy cái kia là của mình. Thấy tất cả cái gì cũng là của mình hết. Nhà của mình, đất của mình, tất cả cái gì cũng là của mình hết, cho nên được thì mừng mất thì khổ. Vì vậy mà chúng ta bị ngoại cảnh lôi cuốn, sống trong bất an, bất ổn. Nếu chúng ta thấy cuộc đời là mộng, ngoại cảnh là mộng, thân và cảnh đều là mộng thì còn gì là ràng buộc, còn gì là lo sợ, được mất đối với chúng ta như trò chơi, không còn gì phải là khổ đau nữa hết.

Đó là tôi diễn tả lại thân này và cảnh này mà chúng ta đang mang và đang ở. Khi cảnh này và thân này tan rồi thì thế nào? Đó là câu thứ ba “mộng tan rồi”. Đến câu thứ tư “cười vỡ mộng” tức là khi thân chúng ta thờ cái khi ra và không hít lại. Một khi trả ra mà không mượn lại là thân tứ đại sắp hoại. Thờ ra mà không hít lại là phong đại đã hết.

Phong đại hết rồi thì hỏa đại do đó sẽ tan từ từ. Rồi tới thủy đại, địa đại, nó sẽ tan rã sau. Như vậy một khi thờ ra không hít lại thì thân tứ đại chúng ta không còn hoạt động như trước nữa. Khi đôi mắt chúng ta nhắm nghiền lại thì cảnh ở ngoài còn với chúng ta hay không? Vì khi hơi thờ đã buông rồi thì con mắt cũng theo đó nhắm nghiền lại, lúc đó ngoại cảnh không còn gì với chúng ta nữa. Thân thiếu phong đại thì thân sắp tan, mắt không còn mở nhìn thấy nữa thì cảnh đời đối với chúng ta cũng vắng. Cho nên thân và cảnh lúc đó là mộng đã tan hoại. Nên nói rằng “mộng tan rồi”. Khi thân và cảnh đi tới chỗ tan hoại đó, đối với người đời sẽ làm sao? Nào là khóc biệt ly, thương cha, thương mẹ, thương anh, thương em, thương tất cả người chung quanh. Coi đó như là một chuyến đi không bao giờ gặp lại. Bao nhiêu tiếng khóc nức nở để rồi đau khổ vì cảnh biệt ly. Hoặc giả bản thân người đó họ sẽ khổ đau. Họ khổ đau vì cái gì? Như ngài Qui Sơn nói: “Tiền lộ mang mang vị tri hà vãng” nghĩa là đường trước mờ mờ không biết về đâu. Khi sắp tắt thở nhớ lại mình không có đức hạnh gì, không biết rồi sẽ ra sao? Đó là cái đau khổ nhất của con người. Khi sắp ra đi không biết là mình đi đâu? Từ giã anh em, từ giã cha mẹ. Rồi đây mình sẽ không còn gặp lại tất cả mọi người, và bản thân mình sẽ ra sao? Đi đâu? Thật là đau khổ. Như vậy có hai cái khổ: cái khổ khóc vĩnh biệt và cái khổ không biết thân phận mình ra sao? Hai cái đó làm cho người sắp ra đi đau khổ tràn trề. Đó là thân phận những người không biết đạo. Nhưng ở đây tôi nói thế nào? “Mộng tan rồi, cười vỡ mộng.” Tại sao chúng ta lại cười vỡ mộng? Bởi vì mình biết đó là một giấc mộng. Đã biết là một giấc mộng thì khi hết mộng chúng ta trở về thật. Đang mê hết cơn mê chúng ta tỉnh. Vì biết đó là một cơn mê. Khi hết mê chúng ta còn sợ hay không? Khi biết đó là một cơn mê thì cơn mê dù đẹp, dù xấu, dù khổ, dù vui, chúng ta cũng thấy đó là một cơn mê. Và hết mê, là tỉnh biết rõ như vậy. Khi tỉnh còn có cái gì phải sợ nữa đâu. Như vậy cho nên khi chúng ta biết rõ đây là một cơn mộng, khi mộng tan chúng ta nở một nụ cười từ biệt mọi người và chúng ta an lành trở về quê cũ, chứ không có gì sợ sệt hết. Đó là “cười vỡ mộng”. Chúng ta chỉ còn một nụ cười để trở về quê hương mà ngàn thuở không bao giờ phai mờ, không bao giờ mất. Chúng ta từ khi gá thân này, chúng ta mang nó, sống với nó mà thấy là mộng ảo. Cảnh mà chúng ta đang dạo, đang qua, đang lại cũng là cảnh mộng ảo. Khi cái mộng ảo đó nó tan đi thì chúng ta chỉ là một nụ cười để trở về cái chân thật chứ không có gì lạ. Như vậy đó là cái an ổn lành mạnh nhất của con người khi thoát khỏi được cơn mê, cơn mộng.

Nói như vậy mà chúng tôi đã được như vậy chưa? Đó là một vấn đề ước định. Nói như vậy để chúng tôi tự nhắc rằng chúng tôi phải sống thế nào về cuộc sống này? Trong khi, sống mang thân này với cảnh này chúng tôi phải luôn luôn thấy nó là

mộng. Và khi thân này sắp hoại chúng tôi thấy đó là tan cơn mộng, chỉ là một nụ cười để cười vỡ mộng thôi, không có gì quan trọng hết. Đó là chúng tôi ước định ngày ra đi phải như vậy, chứ không phải là cái đang được như vậy. Đó cũng là một chương trình, một kế hoạch phác họa cho ngày ra đi phải như vậy đó. Chính cái phác họa đó là một ước định của chúng tôi nhắc nhở chúng tôi phải cố gắng làm sao khi ra đi được như vậy chứ không khác hơn. Nếu khác hơn là dở lắm rồi. Như vậy là phần của tôi, tôi đã định như vậy.

Phần quý vị thì sao? Chúng tôi nói thêm: “Ghi lời mộng, nhấn khách mộng” bây giờ vì nghĩ rằng chúng ta tự thấy mình sống trong cõi đời tạm bợ hư ảo nó không có gì thật, không lẽ mình biết nó hư ảo không thật rồi mình an ổn vui vẻ để cho người khác chìm lịm trong cơn mộng đó rồi khóc rồi khổ, đủ thứ đau đớn. Mình đâu có nợ. Buộc lòng phải ghi lại ít lời nhắc lại những người khách cũng đồng hành với mình trong cơn mộng đó. Đó là với một tấm lòng nghĩ đến người sau thương xót người sau. Muốn làm sao cho ai cũng được khi ra đi với một nụ cười, chứ không phải là rơi lệ tràn trề. Rồi “ghi lời mộng”, tới “nhấn khách mộng” cái gì đây? Tức là “Biết được mộng, tỉnh cơn mộng”. Nhấn quý vị rằng, nếu một khi biết rõ sự sống này là mộng thì quý vị tỉnh được cơn mộng. Đó là chủ yếu làm sao mỗi người chúng ta đều phải thấy rõ lẽ thật của cuộc đời, chứ đừng có làm lẩn trong cơn mê mộng mà mình tưởng nó là thật. Tưởng làm nó là thật rồi chìm mãi trong cơn mê. Hết cơn mộng này đến cơn mộng khác. Chúng ta biết nó là mộng rồi thì chúng ta có thể tỉnh được cơn mộng. Tỉnh được cơn mộng thì mọi cái khổ vui trong mộng không còn gì chi phối được chúng ta hết. Đó là điều thiết yếu trong cuộc sống. Cho nên tôi có nói với ít người chung quanh rằng sau khi tôi vỡ mộng rồi thì quý vị khỏi cần họa hình họa tượng gì hết, chỉ cần biên tám câu đó, tám câu một câu ba chữ, hoặc bốn câu một câu sáu chữ để lại trên chỗ mà quý vị nhớ tới đó. Để chỗ nào đó trên vách cũng được hay nơi nào cũng được để quý vị đọc tới đọc lui câu đó, có lợi hơn là họa hình to thờ mà không nhớ tới mấy câu đó cũng vô ích. Đó là ý nghĩa mà tôi làm bài kệ. Do sự thấy rõ như vậy nên khi làm bài kệ bắt buộc tôi phải sống như vậy. Ngày ra đi phải như vậy. Đó là ước định của tôi, và mong mỗi những người chung quanh và kẻ đi sau này cũng được như vậy.

Đó là sở nguyện tôi ước mong, chứ không phải là sự thật. Nên nhớ như vậy. Ước mong đó có thể thật mà cũng có thể chưa được. Nếu được, đó là cái hài lòng của tôi. Nếu chưa được là cái tôi chưa hài lòng, chẳng qua là sở nguyện vậy thôi.

Nói như vậy tôi cần nhắc cho tất cả quý vị biết. Bao nhiêu năm tôi giảng dạy ở đây quý vị đều thấy mỗi lần giảng dạy kể cả tôi là người hay giảng quý vị là người nghe giảng, trong lúc ấy người giảng

và người nghe hình như chúng ta đều là kẻ tỉnh hết. Nhưng mà, sau cơn giảng rồi thì có lẽ người giảng cũng hay quên, người nghe lại càng quên hơn nữa. Như vậy, tỉnh, tỉnh rồi mê. Mà tỉnh thì ít, một tháng chỉ có mấy tiếng đồng hồ, còn mê thì quá dài. Nếu chúng ta gặp cơn ngủ mê quá mê, vừa mất mộng thứ nhất, lúc đó chúng ta vừa hơi tỉnh. Tỉnh rồi mà chưa có sức ngồi dậy, rửa mặt mà hoặc đi ra và cũng còn ham ngủ nữa thì sao? Một cơn mộng thứ hai tiếp nối. Qua cơn mộng thứ hai hơi tỉnh một chút, thì tiếp tục cơn mộng thứ ba nếu chúng ta còn thấy mỗi mệt, còn ửng nằm dài thì mộng rồi tới mộng. Như vậy thì mộng không biết tới lúc nào mới hết. Chỉ khi nào chúng ta biết đó là mộng, hoặc là mộng vui mộng buồn, sau cơn mộng chúng ta nhất định tỉnh dậy rửa mặt, rửa mày hoạt động bình thường, ra ngoài thì khả dĩ hết mộng. Còn cứ nằm dài đó mãi thì càng mộng chứ không thể hết được. Đó là ý nghĩa mộng.

Bây giờ tới việc tu chúng ta. Nếu chúng ta biết cái dở là cái dở, điều nào là điều tạo nghiệp khổ cho chúng ta, chúng ta biết cái này là giả cái kia là thật, cái biết đó chưa đủ làm cho chúng ta giải thoát, chưa đủ làm cho chúng ta hết khổ. Biết rồi chúng ta còn phải hành. Cho nên trong nhà Phật dạy chúng ta học đạo là phải đủ văn tư tu. Văn là nghe, tư là suy nghĩ, nhận định đúng. Đó là phải, nhưng còn phải tu nữa. Có tu mới thật sự thoát ly sanh tử, mới ra khỏi bao nhiêu cái khổ đau. Nếu thiếu cái tu thì không bao giờ chúng ta thoát ly sanh tử được. Vì vậy cho nên hiểu rồi phải hành. Cái hành đó mới là thiết yếu. Như chúng tôi thường nói với quý vị: Cái chủ động trong cuộc luân hồi, sanh tử là ba nghiệp, cái chủ động của ba nghiệp là ý nghiệp. Ý nghiệp trong nhà Thiền gọi là vọng tưởng. Vọng tưởng đó là động cơ chính yếu để đưa chúng ta vào vòng luân hồi sanh tử. Bây giờ muốn thoát ly sanh tử không gì hơn là chặn đứng hay là dừng lại vọng tưởng đó. Nói chặn nói dừng là một lối nói, đúng ra chúng ta nhẹ nhẹ buông nó. Biết rõ bộ mặt nó là không thật, buông nó rồi nó sẽ hết. Như vậy cái công phu buông xả đó thấy nó nhẹ đơn giản mà thật là phải kiên trì bền bỉ lâu dài mới buông hết được, chứ không thể nào một, hai, năm, mười năm mà được. Cho nên các vị hồi xưa muốn buông hết nó phải trải qua mấy mươi năm. Người lanh lợi nhất trong nhà Thiền ở Trung Quốc, là ngài Triệu Châu mà Ngài còn nói: Ngót ba mươi năm phải buông hết mới thành một khối. Huống là chúng ta ở đây mới nháp nhem mấy năm trời, buông sơ sịa, bảo hết làm sao mà hết được. Cho nên cái đó là phải công phu dai dẳng, phải nỗ lực bền chí mới có thể thực hiện được công trình đó. Như vậy chúng tôi nói rằng người quyết chí tu đạt đến kết quả viên mãn thì phải khẳng định lập trường của mình và phải quyết chí không bao giờ lay chuyển trước mọi hoàn cảnh nhất là trong hoàn cảnh thuộc về tình cảm. Cái đó làm cho mình rất khổ đau. Ở đây tôi chỉ đề cập đến tình cảm của người xuất gia. Người

xuất gia trước nhất thấy tình cảm gia đình là nặng nhất. Tình cảm gia đình là cái làm chúng ta rối ren, lo sợ; thương cha, thương mẹ, thương anh, thương em. Bao nhiêu cái đó làm chúng ta bận bịu làm chúng ta khó xử. Nếu chúng ta không có thái độ dứt khoát không can đảm như đức Phật thì khó mà giải quyết nổi. Quý vị thấy đức Phật khi ra đi tu, lúc chưa thành đạo thì Ngài về thăm nhà được bao nhiêu lần? Một phen đi bao giờ thành đạo mới trở về. Đó là hình ảnh con người dứt khoát làm được việc mới thôi, không có thái độ chần chừ nửa tới nửa lui. Nói đi tu mà ít bữa nhớ nhà. Nói đi tu mà lo ở nhà có cơm ăn không, có áo mặc không? Làm như vậy thì không làm sao thực hiện được cái bản nguyện của mình. Vì vậy chúng tôi nhắc lại Ngài là cái đích để chúng ta nhắm, như một vị giáo chủ. Vì Ngài một khi cất bước ra đi, nguyện không trở lại nếu không đạt đạo. Khi Ngài trở về thăm vua cha, độ tất cả người thân quyến là sau khi đã đạt đạo. Nhờ thái độ khẳng định đó mà Ngài thành công.

Giờ đây tôi dẫn một Thiền sư Trung Hoa, Thiền sư Lương Giới, Tổ của tông Tào Động, khi đi tu Ngài có viết mấy lá thư cho cha mẹ. Đọc thư Ngài ta mới thấy ý chí người xưa.

Lá thư thứ nhất tôi dịch từ bản chữ Hán:

“Được nghe, chư Phật ra đời đều do cha mẹ mà có thân, muôn loài sanh trưởng nhờ trời đất che chở. Cho nên, không có cha mẹ thì chẳng sanh, không có trời đất thì chẳng trưởng, nhờ ân dưỡng dục, đều thọ đức chở che.

Song mà, tất cả hàm thức, vạn tượng hình nghi đều thuộc vô thường chưa lìa sanh diệt. Tuy ơn bú xú nặng nề, công nuôi dưỡng sâu thẳm, nếu đem cửa cải thế gian phụng dưỡng trọn khó đáp đền, dùng máu thịt dâng hiến cũng không được bền chắc. Trong Hiếu kinh nói: “Dù một ngày giết đôi ba con vật để cúng hiến cha mẹ vẫn là bất hiếu. Vì sẽ lồi nhau vào vòng trầm luân chịu muôn kiếp luân hồi.” Muốn đền ơn sâu dày của cha mẹ đâu bằng công đức xuất gia. Vì sẽ cắt đứt dòng sông ái sanh tử, vượt qua khỏi biển khổ, đáp ơn cha mẹ ngàn đời, đền công từ thân muôn kiếp, bốn ơn ba cõi thầy đều đền đáp. Kinh nói: “Một đứa con xuất gia chín họ đều sanh lên cõi trời.” Con thệ bỏ thân mạng đời này, chẳng trở về nhà, đem căn trần muôn kiếp chóng tỏ sáng Bát-nhã.

Cúi mong cha mẹ mở lòng hi xả, ý chớ trông mong, học theo gương Phụ vương Tịnh Phạn và Thánh mẫu Ma-da. Hẹn đến sau kia sẽ gặp nhau trong hội Phật, còn hiện nay cam chịu lìa nhau. Con chẳng phải quên ơn dưỡng dục, chỉ vì: “Thời giờ chẳng đợi người.” Cho nên nói “Thân này chẳng thẳng đời này độ, lại đợi đời nào độ thân này”.

Xin cha mẹ lòng chớ nhớ mong.”

Tụng rằng:

Vị liễu tâm nguyện độ số xuân

Phiên ta tịnh thể mạn thuận tuần

Cơ nhân đắc đạo không môn lý

Độc ngã yêm lưu tại thế trần

Cẩn cụ xích thơ từ quyển ái

Nguyện minh đại pháp báo từ thân

Bất tu sai lệ tần tương tức

Thí tợ đương sơ vô ngã thân

Dịch:

Chưa rõ nguồn tâm quá mấy năm

Thương nhau mê mãi luống trì trầm

Cửa không đã lấm người đắc đạo

Riêng ta trì trệ ở trong trần

Xin viết lá thư từ cha mẹ

Nguyện thông đại pháp đáp từ thân

Không nên rơi lệ thường thương nhớ

Xem tợ buổi đầu con không thân

Như vậy lá thư này quý vị thấy Ngài cố tình nhắc cho cha mẹ đừng có buồn, đừng có khóc, mà coi như buổi đầu không có Ngài, không có thân Ngài. Đó là lá thư thứ nhất từ cha mẹ.

Lá thư thứ hai: “Con từ lìa cha mẹ chống tích trượng dạo phương Nam, tháng ngày trôi qua tính đã mười năm, trên đường con đã trải qua muôn dặm.

Cúi mong mẹ đem hết tâm ý hướng về Phật pháp, đừng ôm ấp tình ly biệt, chớ đứng tựa cửa trông con. Mọi việc trong nhà tùy thời sắp đặt, việc nhiều thì phiền não thêm nhiều. Phần A Huynh thì nên tận tâm hiếu thuận, học đòi gương Vương Tường năm giá, còn Tiểu đệ thì hết sức bắt chước theo Mạnh Tông khóc măng. Phàm người ở đời phải biết tu thân hiếu để mới hợp lòng trời. Kẻ làm tăng trong cửa không thì mộ đạo tham thiền để đáp ơn cha mẹ.

Ngày nay hai đường xa cách muôn sông ngàn núi, mượn giấy mực viết vài hàng để bày tỏ tất dạ.”

Tụng rằng:

Bất cầu danh lợi bất cầu Nhu
 Nguyện nhạo không môn xả tục đồ
 Phiền não tận thời sàu hỏa diệt
 Ân tình đoạn xứ ái hà khô
 Lục căn giới định hương phong dẫn
 Nhất niệm vô sanh huệ lực phù
 Vị báo bác đường hư trướng vọng
 Thí như tử liễu thí như vô

Dịch:

Chẳng cầu danh lợi chẳng cầu Nho
 Ưa thích cửa không bỏ thế đồ
 Phiền não hết rồi lửa sàu tắt
 Ân tình dứt bật, sông ái khô
 Sáu căn giới định gió thơm cuốn
 Một niệm vô sanh sức huệ phò
 Xin nhắc mẹ già thôi đứng ngóng
 Ví như đã chết, ví như không
 Đây là lời thư của Ngài.

Bây giờ đến lá thư của bà mẹ gửi cho Ngài:

“Mẹ cùng con đời trước có nhân duyên mới kết thành tình mẹ con. Kể từ ôm thai trong lòng, sớm chiều cầu thần khẩn Phật nguyện sanh được con trai. Thai bào đủ tháng mạng sống như chỉ mảnh, sanh con được toại nguyện quý như châu bảo. Không nề sự hồi hám của phần ướ, chẳng ngại sự bú xú nhọc nhằn. Con vừa thành người đất đến trường lo học tập. Hoặc khi con đi chơi về trễ, mẹ đứng tựa cửa trông mong.

Con viết thư về quyết xin xuất gia. Cha đã mất, mẹ già, anh yếu, em nghèo nàn, mẹ trông cậy vào ai? Con có ý bỏ mẹ, chớ mẹ nào có tâm quên con. Từ khi con cất bước tha phương, ngày đêm mẹ thường rơi lệ! Khổ thay! Khổ thay!

Nay con lại thế chẳng về quê, mẹ cũng tùy chí nguyện của con. Mẹ không dám mong con như Vương Tường nằm giá, Đinh Lan khắc cây, chỉ mong con như Tôn-giả Mục-liên độ mẹ thoát khỏi trầm luân tiến lên Phật quả. Nếu mẹ không như vậy e phải có tội. Con cần phải giải quyết cho xong.”

Người mẹ trả lời cho con như vậy, quý vị thấy tình cha mẹ đối với người đi tu, là kẻ quên ơn bội nghĩa không biết gì tới cha mẹ. Khi đi tu chúng ta đặt trọng trách chúng ta là làm sao đạt đạo để giải quyết vấn đề sanh tử cho mình và cho cha mẹ, cho những người chung quanh, cho tất cả chúng sanh. Chớ không phải vì muốn bỏ cha mẹ để tìm chỗ an ổn vui chơi qua ngày hết tháng. Cái cương quyết của chúng ta không phải là cái ý bất hiếu bỏ cha mẹ phiêu bạt để tìm chỗ an ổn cho chính mình. Chính vì quyết chí muốn cứu mình, cứu cha mẹ và cứu tất cả chúng sanh cho nên chúng ta mới đi tu. Vì vậy khi thực hiện bản hoài cao cả đó chúng ta không thể nào chần chờ nửa tiến nửa lùi, nay thì quả quyết ngày mai thì yếu đuối. Nếu như vậy thì chúng ta không thể nào tiến xa được. Cho nên phải gan dạ ngay từ buổi đầu. Biết rằng việc làm đó là bất hiếu với hiện tại nhưng có thể đó là cái cứu cha mẹ và mọi người ở ngày mai. Cho nên quý vị thấy ngài Động Sơn nhờ lòng cương quyết, nhất định thành đạo. Ngài ngộ đạo rồi làm trụ trì ngót ba mươi năm có vị thần Thổ địa muốn gặp Ngài mà không biết làm sao gặp. Một hôm Ngài đi xuống nhà bếp, Ngài thấy những người trong nhà trù làm đồ bún, đồ gạo, đồ cơm ở ngoài lang lệ, Ngài mới rầy. Ngài nói: “Cửa đàn-na thí chủ không nên hủy hoại.” Ngài mới vừa nói như vậy thì thấy ông Thần quì ở trước mặt Ngài. Ngài hỏi: Ông là ai? - Tôi là thần Thổ địa, ba mươi năm rồi tìm yết kiến Ngài mà không gặp. Hôm nay tôi mới thấy Ngài.

Cái ý chí cương quyết đó mới làm được việc như vậy. Ngài là vị Tổ trong Tông Tào Động mãi cho đến bây giờ. Nếu người xưa mà chần chờ hay là yếu đuối thì không bao giờ có cái đạo hạnh để bây giờ chúng ta bắt chước theo. Cho nên chính vì vậy mà tôi mong rằng tất cả những người dù xuất gia hay là cư sĩ chẳng hạn, nếu chúng ta quyết chí tu thì phải có lập trường hết sức là vững chắc. Vì việc làm này không phải là việc làm tầm thường đơn giản, chính là một việc làm cả một đời mình, phải làm sao đạt được. Muốn đạt được cái đó phải hết sức công phu khó nhọc bền chí lâu dài. Nếu không bền vững, thì chúng ta đang làm đang tiến, có chuyện gì bận bịu của gia đình chúng ta bị lùi. Như vậy sự tu không tiến được. Mà không tiến được chẳng những không cứu được mình, huống nữa là cứu được ai. Cho nên sự tu hành chánh yếu là để làm sao thoát ly sanh tử. Muốn thoát ly sanh tử phải bền chí dai dẳng mới làm được việc đó. Tôi đã dẫn ngài Động Sơn qua những lá thư của Ngài viết về cho mẹ và thư trả lời của bà mẹ cho quý vị thấy rõ. Người mẹ như bà thân của ngài Động Sơn

rất là hiếm. Thương con trần trụi nhưng sợ ngăn ý chí xuất gia của con thì mẹ có tội, cho nên mẹ không dám ngăn cản. Nhưng bà mẹ hy vọng rằng một đời này con ráng làm cho xong. Không phải dặn con đi ít bữa về thăm mẹ mà nói rằng mẹ không dám ngăn cản con mà mong một đời này con giải quyết cho xong. Lời nói đó chính là một sức mạnh để cho người con phải nỗ lực làm sao đạt được mới thôi. Vì vậy ngài Động Sơn đã làm tròn bổn phận của Ngài đối với sự tu hành cũng như đối với tất cả những người trong gia đình. Ngài quyết rằng Ngài phải đạt đạo để đền ơn cha mẹ, đền ơn tất cả. Do đó tất cả chúng ta khi đã phát tâm học đạo thì mọi người ai cũng như ai đều phải lo cố gắng nỗ lực và quyết chí không tu với tánh cách lưng chừng được.

Gần đây tôi thấy người phát tâm xuất gia không phải ít, mà người giữ được cái chí xuất gia thì không được nhiều. Nghĩa là sao? Phát tâm xuất gia thì đông, mà giữ được ý chí xuất gia thì quá ít. Nghĩa là đi chùa vào chùa tu thì tu, nhưng mà việc nhà cũng không buông được. Như vậy thì có tinh thần phát tâm xuất gia nếu không phát tâm thì làm sao cạo đầu ở chùa được. Nhưng cái chí người xuất gia thì phải đạt đạo, làm một việc cho đến chỗ viên mãn mới thôi thì ít quá, rất là ít. Vì vậy mong rằng tất cả những vị đã được cái phúc dày sâu, nếu bây giờ mới xuất gia học đạo thì quý vị nên nhớ ý chí của người xuất gia, phải làm được cái việc của mình đã nguyện làm. Đừng nói rằng tôi tu để có phước tiếp tục đời sau tu nữa. Ngài Động Sơn đã nói: “Thân này chẳng bằng đời này độ, lại đợi đời nào độ thân này.” (Ngay thân này thì phải đời này giải quyết cho xong chớ đừng để đời nào độ nó.) Nay được thân này rồi thì ngay đời này giải quyết cho xong nó đi, đừng có đợi đời khác, đời khác nữa. Cái lối đợi đời khác là lối ỷ lại ngu si, để rồi tu một cách lơ mơ chớ không đi tới nơi tới chốn. Cho nên người xuất gia dù cho thời nào, nếu chúng ta nỗ lực thì đều có lợi ích như nhau hết. Đừng nói mình đây ở đời mạt pháp cố gắng cũng không tới đâu. Đừng nghĩ như vậy. Dù cho thời chánh pháp, thời tượng pháp, thời mạt pháp, nếu chúng ta nỗ lực, đều có kết quả tốt như nhau. Chỉ vì chúng ta không cố gắng cho nên rồi không giống như thời trước. Những bài thơ này là một sự cảnh tỉnh lớn lao cho tất cả chúng ta. Tôi nhắc lại những câu kết luận hai bài kệ của ngài Động Sơn.

Bài kệ trước Ngài nói rằng: (hai câu chót)

Bất tu sái lệ tần tương ức

Thí tợ đương sơ vô ngã thân.

Tạm dịch:

Không nên rơi lệ thường thương nhớ

Xem tợ buổi đầu con không thân.

Bài kệ sau:

Vị báo bắc đường hưu trưởng vọng

Thí như tử liễu thí như vô.

Tạm dịch:

Xin nhắc mẹ già thôi đứng ngóng

Ví như đã chết ví như không.

Trong mấy lời đó thấy đầy đủ ý chí của con người khẳng định: Xin thưa với cha mẹ coi con như đã chết, coi như không có con. Có thái độ dứt khoát như vậy mới mong làm tròn được nhiệm vụ của mình. Quý vị nên thấy, khi mình đã xuất gia đối với gia đình thì như mình đã chết. Có coi mình đã chết thì mới sống được, chớ còn thấy như mình còn sống như ở nhà thì không phải tinh thần người xuất gia. Đó là điều mà tôi thấy hết sức quan trọng đối với chúng ta. Còn như câu Ngài nói:

“Phiền não tận thời sàu hỏa diệt. Ân tình đoạn xứ ái hà khô”. Dịch: Phiền não hết rồi lửa sàu tắt. Ân tình dứt bật sông ái khô.”

Nghĩa là khi nào mà chúng ta hết phiền não thì lúc đó lửa sàu mới dập tắt. Khi nào ân tình dứt rồi thì sông ái mới khô. Như vậy, chúng ta thấy người đi tu, nếu để tình cảm gia đình nó ràng buộc không cắt nổi, thì sông ái không biết chừng nào mới khô được, nó cứ tràn đầy. Sông ái tràn đầy thì nó cuốn chúng ta trôi, không lúc nào dừng nổi. Đó là tôi nói tinh thần của ngài Động Sơn.

Còn tinh thần của người mẹ, tôi chỉ cần nhắc câu chót: “Nếu mẹ không như vậy e phải có tội. Con cần phải giải quyết cho xong.” Thật là bà mẹ biết dạy con. Còn cứ như: Sao con đi lâu quá không về, hoặc giả làm cái gì ngon nhẩn về đãi. Cứ như vậy hoài thì đi tu một trăm năm cũng chẳng được cái gì. Như vậy chúng ta thấy rằng người đi tu có hai điều kiện hệ trọng. Điều kiện thứ nhất là tinh thần dứt khoát của mình. Điều kiện thứ hai là sự giúp đỡ của cha mẹ bằng cách hiểu đạo khuyên con. Có nhiều người thương con mà không hiểu đạo, thương con cho xuất gia mà không dạy nó ý chí xuất gia. Cần làm sao cho con xuất gia rồi cũng tập cho có ý chí xuất gia nữa. Cái đó mới là cái cao cả của người cha người mẹ. Thiếu cái đó cũng làm cho người xuất gia hơi khó khăn giải quyết. Cho nên bà chỉ nói rằng mẹ không mong con như Vương Tường nằm giá, Đinh Lan khắc cây mà chỉ mong con như Tôn giả Mục-liên độ mẹ thoát khỏi trầm luân tiến lên Phật quả. Mong con tu hành đắc đạo rồi độ mẹ, đó là điều mẹ mong mỗi chớ không

mong gì khác hơn. Điều đó rất quan trọng cho tinh thần người xuất gia.

Tôi nghĩ rằng năm nay quý Phật tử học tương đối kỹ rồi. Đã học đạo kỹ mà thiếu ý chí thực hành thì cái đó chưa đưa chúng ta đến giải thoát sanh tử. Vì vậy năm nay tôi đặt nặng là muốn tất cả quý vị ai ai cũng đều lập chí vững trên đường đạo. Nếu là người tại gia khi biết đạo rồi chúng ta cũng nỗ lực dùng mọi phương tiện để sống hợp với đạo. Còn người xuất gia thì làm sao phải ứng dụng cái hiểu của chúng ta cho đúng và tự chúng ta gỡ hết những cái ràng buộc của chính mình. Gỡ cho hết những cái ràng buộc do bản ngã và ràng buộc do tình lưu luyến của gia đình để chúng ta mạnh dạn tiến tu. Làm sao cho đời tu chúng ta xứng đáng là của người xuất gia, không hổ thẹn khi mình nhắm mắt, tiếc một đời không đi tới đâu. Ngày nào mình còn tu thì xứng đáng là người xuất gia, đến khi nhắm mắt chỉ là một nụ cười: Một nụ cười từ biệt mọi người chớ không phải là một tiếng khóc nức nở hay là một hơi thở dài lo sợ. Chúng ta phải cười khi chúng ta tắt thở. Đó là cái mà chúng tôi mong mỗi nhất. Mong mỗi cho tôi và cho tất cả quý vị, ai rồi cũng được như vậy. Có như thế sự tu hành của ta mới có ý nghĩa.

Quý vị đã nhận thấy rằng cuộc đời là ảo mộng. Đã là ảo mộng thì còn gì là quan trọng nữa mà cứ để cái mộng lỗi cuốn mình rồi phải chìm trong mê muội mãi. Chúng ta phải gan dạ, phải mạnh dạn để vượt qua cái mộng. Đó mới là cái thiết yếu. Cái giá thân mộng có một sự tịch tòi sẽ kể cho quý vị nghe để biết cái hay của người xưa. Như trường hợp một Thiền sư không nói tên, chỉ do một hành động mà thành danh gọi là “Đả Táo Đọa” tức là một Thiền sư đập bẻ ông táo rơi xuống đất. Ngài tu ở vùng núi Xuân Sơn bên Trung Hoa với một số đồ chúng. Một hôm Ngài dẫn chúng đi dạo trong núi. Khi đến gần thung lũng thấy có một cái miếu thờ gì Ngài không biết, nhưng thấy dân chúng làm thịt bò, trâu, heo, gà dâng cúng liên miên, tế tự liên miên. Hỏi thì dân chúng nói rằng vị thần Táo ở miếu đó linh lắm cho nên họ cúng để cầu xin cái này cái nọ. Nghe nói như vậy rồi, Ngài cầm gậy vỗ trong miếu, Ngài thấy trên chỗ bàn thờ có để một tượng ông Táo. Ngài lấy cây gậy gõ gõ vào tượng đó nói rằng: “Đây là do gạch đất hợp thành, linh từ đâu lại, thánh từ chỗ nào có.” Nói xong, Ngài đập xuống một cái, tượng ông Táo lao đảo bẻ ra rồi rơi xuống đất. Khoảng một vài tiếng đồng hồ sau, Ngài đi ngoài đường, gặp một vị áo xanh đội mũ xanh qui trước Ngài. Ngài hỏi: Ông là ai? - Con là thần Táo trong miếu đến để tạ ơn Hòa thượng.

Ngài nói: “Ta đã làm gì mà người tạ ơn?”

- Nhờ ơn Hòa thượng nói lý vô sanh mà con ngộ được. Nhờ đó con sanh lên cõi trời, buông

được cái thân bị đọa đày trong bao nhiêu đời ở tại cái miếu này.

Nói xong ông đánh lễ rồi biến mất.

Ông thị giả thấy vậy mới thưa:

- “Bạch Hòa thượng, con đã hầu Hòa thượng lâu quá mà Hòa thượng không nói lý vô sanh cho con nghe. Ông thần Táo này có phước gì mà Hòa thượng mới nói có một câu ông ngộ?”

- Ta chỉ nói một câu đó, rồi Ngài lập lại cho ông thị giả nghe và hỏi: Ông hội không?

- Dạ con không hiểu.

Ngài nói: Bể rồi! Bể rồi! Rơi rồi! Rơi rồi!
Ông thị giả liền ngộ.

Như vậy để quý vị hiểu cái chỗ chúng tôi dùng chữ gá. Thân Táo gá vào đất gạch mà phải ở đó bao nhiêu năm. Còn chúng ta gá vào cái gì? Gá vào đất nước gió lửa này. Gá rồi bám đó cho là mình. Có đau khổ chưa? Bám vào mình rồi thì giành hơn giành thua, chấp phải chấp quấy. Bao nhiêu tội nghiệp cũng do cái mình gá đó tạo ra hết. Nếu bây giờ mình nhớ thân này là cái mình gá, không có gì là quan trọng hết, biết như vậy là biết được lý vô sanh. Biết được thân này là giả tạm như tôi đã nói là mộng. Mà mộng thì có gì thật đâu? Trong khi mộng, sanh cũng mộng, tử cũng mộng thì có gì thật không. Sanh không thật sanh, tử không thật tử. Mà sanh không thật sanh, đó là vô sanh. Nhận được như vậy thì lý vô sanh hiện tiền. Ngay thân này, nhận ra được lẽ thật thì thấy đạo. Thấy đạo thì thoát ly sanh tử. Còn nếu chúng ta cứ bám vào thân này cho là thật, là quý cái khổ vui của nó, chúng ta cũng đều quan trọng, cái hơn thua của nó cũng đều cho là quý, tức nhiên đời mình bị nó chi phối. Nó chi phối cuộc đời hiện tại, chi phối cả lúc thọ thân khác, chớ không bao giờ hết được. Cho nên ngay thân này mà chúng ta thức tỉnh, biết được nó là mộng thì tự nhiên chúng ta có thể lần lần thoát ly được nó, không bị nó cuốn lôi nữa. Vì vậy ông thần Táo chỉ nhờ nghe câu: “Đây là ngôi gạch hợp thành linh từ đâu đến, thánh từ đâu có?” Nghe câu đó, ông giật mình thức tỉnh liền buông được cái gạch ngôi, và được sanh lên cõi trời.

Còn chúng ta, khi biết rõ được thân này là do đất nước gió lửa hợp thành, không phải thật mình thì sao? Coi như nhẹ nhàng biết mấy, nhưng mà không chịu buông, cứ bám vào đó hơn thua phải quấy đủ thứ hết. Nhiều khi ban đêm những tối không mưa tôi ngồi ở ngoài, đuổi muỗi cắn, tôi sờ thấy xương, thấy thịt, thấy một hồi tôi tức cười quá. Cái thân thật không ra gì. Mình gá vào nó cực quá. Cái này là cái mình gá, gá từng khúc từng mảnh. Như vậy đó mà cứ cho là mình, rồi bao nhiêu cái

dở theo đó phát sanh đủ thứ cái dở, đồ hôi thúi, dở dáy, bần thiêu, kể ra không thể hết. Vậy mà cứ hài lòng, động đến nó có bao nhiêu thứ phản đối chống trả mãnh liệt.

Như vậy quý vị thấy chúng ta chỉ cần thức tỉnh được thân này của chúng ta tạm gá mượn lấy đó làm chiếc bè qua sông, chớ đừng nghĩ nó là thật, cứ lo bồi bổ tô điểm đủ thứ mà chìm ngay dưới biển không qua sông được.

Đó là điều tôi nhắc cho tất cả quý vị kể cả Tăng Ni và cư sĩ. Nếu chúng ta thức tỉnh được điều đó thì chuyện thoát ly sanh tử không khó. Còn nếu chúng ta mê hoài thì không biết chừng nào ra khỏi bể sanh tử. Cho nên chủ yếu của Phật nói lý vô ngã là như vậy. Thấy rõ cái này không phải thật ngã thì tự nhiên mình thoát ly sanh tử. Nếu thấy thật ngã thì ngàn đời không bao giờ ra khỏi sanh tử, dù quý vị tu hạnh gì rồi cũng thế.

Đó là một lẽ thật. Vậy thì năm cũ sắp tàn qua năm mới, chúng tôi mong rằng quý vị tại gia nỗ lực làm đúng với tinh thần học hiểu của mình. Còn xuất gia ráng lập chí đúng với tinh thần người xuất gia, để rồi chúng ta chuẩn bị cho năm mới, cương quyết tiến tới mục đích mình đã định. Đừng để năm qua rồi lại năm qua, buông xuôi thì rất đáng tiếc cho đời tu của mình.

Mong quý vị chuẩn bị cho năm tới đẹp đẽ hơn, mạnh mẽ hơn, cứng cỏi hơn và đạt được sở nguyện của mình, chớ đừng để lỗi thời nữa.

Đó là mong ước của tôi.

